

TÌM HIỂU VỀ NGUYÊN LÝ GÂY RA HIỆN TƯỢNG BIẾN ĐỔI /l/, /n/

Yamaoka Sho

Nhận bài:

03 – 09 – 2018

Chấp nhận đăng:

25 – 12 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Trong các phương ngữ ở vùng đồng bằng sông Hồng, có xảy ra “hiện tượng biến đổi /l/, /n/ (cũng có tác giả gọi hiện tượng này là *lấn lộn, chuyển đổi,...*)”. Hiện nay, sự ảnh hưởng của hiện tượng ấy đang lan rộng đến Hà Nội; người ta phát hiện ra là phát âm /l/, /n/ của người phố cổ cũng biến đổi với mức độ thấp. Nghiên cứu về hiện tượng này được chia làm hai phần là “nghiên cứu về giáo dục phát âm cho học sinh (Trần Thị Thìn, 1979,...)” và “nghiên cứu từ góc độ ngôn ngữ học xã hội (Nguyễn Thị Thanh Bình, 2000,...)”. Nhưng, cả hai loại nghiên cứu trên đều chưa giải thích được nguyên lý gây ra hiện tượng này. Dựa trên cơ sở dữ liệu giọng nói của người miền Bắc, trong báo cáo khoa học này, tôi muốn trình bày những điều như sau: 1) Tùy từng bối cảnh ngữ âm, xác suất của sự biến đổi /l/, /n/ bị lệch; 2) Nguyên nhân của sự lệch này chủ yếu là “sự lan rộng tính âm mũi và đồng cấu âm của nguyên âm”. Kết quả này cho thấy rằng một phần nguyên nhân của hiện tượng này là sự hạn chế sinh lý của bộ phận cấu âm.

Từ khóa: ngữ âm học; cấu âm; tiếng Việt; biến đổi /l/, /n/; phương ngữ Bắc Bộ.

1. Phương pháp nghiên cứu**1.1. Cách thức thu thập dữ liệu**

Dữ liệu của báo cáo khoa học này đã được thu thập bằng máy ghi âm (ghi âm với chất lượng như sau: định dạng WAV, bit rate 16 bit, sampling frequency 44,1 kHz). Trong dữ liệu này thì một nửa là diễn ngôn tự nhiên, một nửa khác là giọng đọc theo bài có sẵn. Trước hết tôi đã nhờ các cộng tác viên đọc bài đọc trong khoảng 10 phút rồi sau đó nói chuyện với cộng tác viên một cách tự do trong khoảng 10 phút.

1.2. Phân tích

Tôi đã nghe lại các bản ghi âm trên và ghi chép lại giá trị biến thể /l/, /n/ (phát âm biến thể [l] hay [n]) với cả bối cảnh ngữ âm xung quanh âm vị ấy như: bối cảnh trước /l/, /n/ là âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối, và thanh điệu trong âm tiết trước âm vị ấy, bối cảnh sau /l/, /n/ là âm đệm, âm chính, âm cuối, và thanh điệu trong âm tiết bao gồm /l/, /n/. Nếu ở trước /l/, /n/ không có âm

thanh gì thì ghi lại bối cảnh trước là “trống”. Quy cách xác định âm vị /l/ hay /n/ là “l” và “n” của chữ quốc ngữ.

1.3. Các thông tin về cộng tác viên

Trong báo cáo khoa học này tôi sử dụng dữ liệu của 3 cộng tác viên. Các thông tin cơ bản về 3 người này như sau:

- Cộng tác viên A: năm sinh 1955, nữ, quê ở Hà Nội;
- Cộng tác viên B: năm sinh 1958, nam, quê ở Hà Nội;
- Cộng tác viên C: năm sinh 1995, nam, quê ở Bắc Ninh.

1.4. Số lượng dữ liệu

Qua phân tích nêu ở trên tôi đã thu thập được 377 dữ liệu về /l/ và 281 dữ liệu về /n/.

2. Giải thuyết**2.1. Sự khác nhau về cấu âm của âm [l] và [n]**

Trong cấu âm, hai âm [l], [n] khác nhau ở 2 điểm như sau: một là vị trí của khẩu mạc (velum), hai là trạng thái của lưỡi. Về điểm thứ nhất, khi cấu âm [l] thì khẩu mạc nâng lên, còn khi cấu âm [n] thì khẩu mạc rơi xuống, bởi vì âm [l] không phải là âm mũi, còn âm [n] là âm mũi. Về điểm thứ hai, khi cấu âm [l] thì lưỡi tạo tắc ở đầu lưỡi và tạo khe ở hai bên, còn khi cấu âm [n]

* Tác giả liên hệ

Yamaoka Sho

Trường Đại học Kyoto, Nhật Bản

Email: sho.yamaoka@gmail.com

thì lưỡi tạo tắc ở cả đầu lưỡi và không tạo khe gì, bởi vì [l] là âm bên, còn [n] là âm mũi tắc (nasal stop).

Sở dĩ sự biến đổi giữa [l], [n] xảy ra là vì có vấn đề nào đó về việc điều khiển cả “vị trí của khẩu mạc” lẫn “trạng thái của lưỡi”.

2.2. Yếu tố ảnh hưởng đến vị trí của khẩu mạc

Yếu tố có thể ảnh hưởng đến vị trí của khẩu mạc chính là “sự lan rộng tính âm mũi (spreading nasality)”. Nhìn chung là nhiều ngôn ngữ có khuynh hướng nguyên âm cạnh với phụ âm mũi bị mũi hóa (Schourup, 1972). Tính mũi của phụ âm mũi lan rộng sang xung quanh qua nguyên âm như thế này khá phổ biến ở các ngôn ngữ trên thế giới nói chung, ở tiếng Việt nói riêng.

Thế nên chúng ta có thể nhận ra được là sự lan rộng tính âm mũi ảnh hưởng đến cấu âm [l], [n] như sau: nếu /l/, /n/ cạnh với phụ âm mũi (/m/, /n/, /ɲ/, hoặc /ŋ/) thì /l/, /n/ dễ bị biến đổi sang [n], /n/ khó bị biến đổi sang [l]. Và ngược lại, nếu /l/, /n/ không cạnh với phụ âm mũi thì /l/ khó bị biến đổi sang [n], /n/ dễ bị biến đổi sang [l].

2.3. Yếu tố ảnh hưởng đến trạng thái của lưỡi

Yếu tố có thể ảnh hưởng đến trạng thái của lưỡi chính là “đồng cấu âm của nguyên âm (vowel co-articulation)”. Nhìn chung là, ở nhiều ngôn ngữ, nguyên âm xung quanh phụ âm có thể ảnh hưởng đến trạng thái của lưỡi khi cấu âm phụ âm ấy. Ví dụ như Öhman (1966) cho biết rằng tiếng Anh, tiếng Nga, và tiếng Thụy Điển có đồng cấu âm của nguyên âm từ góc độ phân tích âm hưởng. Hơn nữa, tiếng Thụy Điển có ảnh hưởng quang tuyến X khi cấu âm chuỗi âm VCV (tổ hợp của nguyên âm + phụ âm + nguyên âm) cho chúng ta biết rằng cấu âm phụ âm biến đổi khá nhiều tùy từng nguyên âm xung quanh phụ âm đó.

Khi chú ý đến hoạt động của cơ lưỡi thì chúng ta biết rằng, khi cấu âm [l], [n], nguyên âm xung quanh thuộc dòng trước hay dòng sau có vẻ ảnh hưởng đến trạng thái của lưỡi. Những kết quả của một số nghiên cứu về chức năng cơ lưỡi cho biết rằng, cấu âm nguyên âm dòng trước và [n] có hoạt động chung về cơ lưỡi tên là genioglossus anterior, cấu âm nguyên âm dòng sau và [l] cũng có hoạt động chung về cơ lưỡi tên là styloglossus (Kumada et al.: 2000, Leidner: 1973, Honda: 1996). Thế nên chúng ta có thể nhìn ra được là đồng cấu âm của nguyên âm ảnh hưởng đến cấu âm [l],

[n] như sau: nếu /l/, /n/ cạnh với nguyên âm dòng trước (/i/, /e/, /ɛ/, /iə/) thì /l/ dễ bị biến đổi sang [n], /n/ khó bị biến đổi sang [l]. Và ngược lại, nếu /l/, /n/ cạnh với nguyên âm dòng sau thì /l/ khó bị biến đổi sang [n], /n/ dễ bị biến đổi sang [l].

2.4. Giả thuyết về sự biến đổi /l/, /n/

Dựa vào 2 quan điểm nêu trên, tôi lập ra giả thuyết về sự biến đổi /l/, /n/ như sau:

(1) Giả thuyết về sự biến đổi /l/, /n/

Sự lan rộng của tính âm mũi và đồng cấu âm của nguyên âm ngăn cản sự điều khiển vị trí của khẩu mạc và trạng thái của lưỡi khiến cho /l/, /n/ biến đổi.

Dựa vào giả thuyết này, chúng ta dự đoán được là xác suất biến đổi bị lệch như sau:

(2) Sự lệch của xác suất trên lý thuyết

Tính âm mũi:

Bối cảnh có âm mũi: /l/ dễ bị biến đổi, /n/ khó bị biến đổi.

Bối cảnh không có âm mũi: /l/ khó bị biến đổi, /n/ dễ bị biến đổi.

Tính nguyên âm:

Bối cảnh có nguyên âm dòng trước: /l/ dễ bị biến đổi, /n/ khó bị biến đổi.

Bối cảnh có nguyên âm dòng sau: /l/ khó bị biến đổi, /n/ dễ bị biến đổi.

3. Kết quả

Dựa vào giả thuyết nêu trên chúng ta nhìn lại kết quả phân tích để đánh giá giả thuyết ấy có thỏa đáng hay không.

3.1. Lan rộng tính âm mũi

Bảng 1 và Bảng 2 dưới đây là bảng các tỉ lệ /l/, /n/ biến đổi được sắp xếp phụ thuộc vào âm cuối xung quanh hai âm vị ấy. Hai bảng này cho biết xác suất biến đổi /l/, /n/ bị lệch theo bối cảnh ngữ âm, đặc biệt là bối cảnh có âm mũi hay không.

Bảng 1. các tỉ lệ /l/, /n/ biến đổi theo âm cuối trước âm vị ấy

Bối cảnh trước	Âm cuối trước /l/, /n/			
	Âm tắc	Âm mũi	Bán nguyên âm	Âm tiết mở
Tỉ lệ /l/ biến đổi	29.73%	53.66%	26.25%	18.84%
Tỉ lệ /n/ biến đổi	24.39%	16.25%	45.10%	31.43%

Bảng 2. các tỉ lệ /l/, /n/ biến đổi theo âm cuối sau âm vị ấy

Bối cảnh sau	Âm cuối sau /l/, /n/			
	Âm tắc	Âm mũi	Bán nguyên âm	Âm tiết mở
Tỉ lệ /l/ biến đổi	41.18%	29.23%	32.22%	29.79%
Tỉ lệ /n/ biến đổi	20.00%	34.78%	24.73%	15.09%

Trước hết dựa vào Bảng 1 chúng ta nhận ra rằng, tỉ lệ biến đổi của /l/ liền sau âm mũi thì tương đối cao (53,66%) so với tỉ lệ ở bối cảnh khác (khoảng 20%), còn tỉ lệ biến đổi của /n/ liền sau âm mũi thì tương đối thấp (16,25%) so với tỉ lệ ở bối cảnh khác (25-45 %). Tức là âm vị /l/ liền sau âm mũi dễ bị biến đổi sang [n], đồng thời /n/ liền sau âm mũi khó bị biến đổi sang [l]. Có thể nói các tỉ lệ biến đổi bị lệch như vậy là do tính âm mũi can thiệp cấu âm chuẩn của hai âm [l], [n].

Thế nhưng trong Bảng 2 không có sự lệch tỉ lệ biến đổi như vậy. Đây có thể là vì trong tiếng Việt sự lan rộng tính âm mũi có hướng từ trước đến sau, không có hướng ngược lại. Schourup (1972) cho biết rằng, trong ngôn ngữ trên thế giới có hai loại ngôn ngữ: một là ngôn ngữ có tính âm mũi lan rộng sang phía sau (ví dụ như là tiếng Thái), một là ngôn ngữ có tính âm mũi lan rộng sang phía trước (ví dụ như là tiếng Nhật, tiếng Anh). Nếu tiếng Việt thuộc loại ngôn ngữ thứ nhất thì chúng ta có thể hiểu Bảng 1 có mối tương quan giữa tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ và tính âm mũi trong bối cảnh ngữ âm xung quanh, còn Bảng 2 không có mối tương quan đó.

Tuy nhiên âm mũi ở vị trí âm đầu của âm tiết trước /l/, /n/ có vẻ không ảnh hưởng nhiều đến cấu âm /l/, /n/. Bảng dưới đây là bảng được sắp xếp các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo âm đầu của âm tiết trước /l/, /n/.

Bảng 3. các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo âm đầu trước âm vị ấy

Bối cảnh trước	Âm đầu trước /l/, /n/		
	Âm ồn	Âm bên	Âm mũi
Tỉ lệ biến đổi /l/	27.83%	20.00%	38.37%
Tỉ lệ biến đổi /n/	23.68%	69.23%	35.90%

Trong Bảng 3, tỉ lệ biến đổi của /l/ ở bối cảnh có âm mũi cao hơn tỉ lệ ở bối cảnh khác, còn tỉ lệ biến đổi /n/ ở bối cảnh đó thấp hơn tỉ lệ ở bối cảnh có âm bên nhưng lại cao hơn tỉ lệ ở bối cảnh có âm ồn. Tức là về âm đầu trước /l/, /n/ thì tính âm mũi không ảnh hưởng hoàn toàn đến cấu âm /l/, /n/.

Thế nhưng nhìn chung là xác suất biến đổi của /l/,

/n/ có vẻ vẫn bị lệch theo tính âm mũi trong bối cảnh ngữ âm xung quanh âm vị ấy.

3.2. Đồng cấu âm của nguyên âm

Hai bảng dưới đây ghi lại các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo nguyên âm xung quanh âm vị ấy.

Bảng 4. Các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo nguyên âm trước âm vị ấy

Bối cảnh trước	Nguyên âm trước /l/, /n/		
	Dòng trước	Dòng giữa	Dòng sau
Tỉ lệ biến đổi /l/	37.08%	29.82%	23.38%
Tỉ lệ biến đổi /n/	12.50%	26.67%	48.28%

Bảng 5. Các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo nguyên âm sau âm vị ấy

Bối cảnh sau	Nguyên âm sau /l/, /n/		
	Dòng trước	Dòng giữa	Dòng sau
Tỉ lệ biến đổi /l/	21.74%	31.80%	32.65%
Tỉ lệ biến đổi /n/	60.00%	26.35%	20.21%

Dựa vào Bảng 4 chúng ta hiểu rằng nguyên âm trước /l/, /n/ có ảnh hưởng đến xác suất biến đổi hai âm vị ấy. Bây giờ chúng ta nhìn các tỉ lệ biến đổi /l/ thì tỉ lệ ở bối cảnh có nguyên âm dòng trước cao nhất (37,08%), còn tỉ lệ ở bối cảnh có nguyên âm dòng sau thấp nhất (23,38%). Ngược lại, các tỉ lệ biến đổi /n/ thì tỉ lệ ở bối cảnh có nguyên âm dòng trước thấp nhất (12,50%), còn tỉ lệ ở bối cảnh có nguyên âm dòng sau cao nhất (48,28%). Tức là ở bối cảnh có nguyên âm dòng trước thì /l/ dễ bị biến đổi và /n/ khó bị biến đổi, còn ở bối cảnh có nguyên âm dòng sau thì /l/ khó bị biến đổi và /n/ dễ bị biến đổi, như giả thuyết nêu ở chương trước. Có thể là cấu âm nguyên âm dòng trước và dòng sau có ảnh hưởng đến trạng thái của lưỡi khi phát âm [l], [n].

Ngược lại trong Bảng 5 thì không có xu hướng như vậy. Đây có thể là vì đồng cấu âm của nguyên âm chỉ có hướng từ trước đến sau, như là sự lan rộng tính âm mũi nêu trên. Nhưng bù lại, trong Bảng 5 có bị lệch ở tỉ lệ ở bối cảnh có nguyên âm dòng trước rất cao so với tỉ lệ ở bối cảnh khác. Đây là vì /l/, /n/ ở bối cảnh này hầu hết liền sau nguyên âm dòng sau nên bị ngăn cản cấu âm chuẩn, không do bối cảnh sau ảnh hưởng đến cấu âm /l/, /n/.

Thế nên nhìn chung là tính nguyên âm ở bối cảnh

trước /l/, /n/ có vẻ có ảnh hưởng đến cấu âm hai âm vị ấy.

3.3. Những kết quả khác đáng kể đến

Kết quả còn lại cho biết rằng xác suất biến đổi /l/, /n/ cũng khác tùy từng thanh điệu của bối cảnh xung quanh âm vị ấy. Bảng dưới đây là bảng được sắp xếp tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo thanh điệu xung quanh âm vị ấy. Ở đây tôi phân biệt giữa “sắc” và “sắc tắc”, và giữa

“nặng” và “nặng tắc”. “Sắc tắc” và “nặng tắc” là thanh sắc nặng trong âm tiết khép, còn “sắc” và “nặng” là thanh sắc nặng trong loại âm tiết còn lại, tức là âm tiết mở, nửa mở, và nửa khép. Tôi phân biệt như thế là vì hai loại thanh điệu này có đặc trưng ngữ âm khác nhau. Trong bảng dưới đây, ô bị kẻ đường chéo là ô có số lượng dữ liệu quá ít.

Bảng 6. Các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo thanh điệu ở âm tiết trước âm vị ấy

Bối cảnh trước	Thanh điệu trước /l/, /n/							
	Ngang	Huyền	Hỏi	Ngã	Sắc	N	Sắc tắc	Nặng tắc
Tỉ lệ biến đổi /l/	32.41%	40.28%	16.13%	41.67%	23.64%	17.39%	23.81%	40.00%
Tỉ lệ biến đổi /n/	30.56%	28.00%	44.44%	0.00%	27.78%	27.27%	26.09%	22.22%

Bảng 7. Các tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ theo thanh điệu ở âm tiết bao gồm âm vị ấy

Bối cảnh sau	Thanh điệu trong âm tiết bao gồm /l/, /n/							
	Ngang	Huyền	Hỏi	Ngã	Sắc	Nặng	Sắc tắc	Nặng tắc
Tỉ lệ biến đổi /l/	21.05%	29.59%	0.00%	28.57%	34.78%	40.32%	45.45%	33.33%
Tỉ lệ biến đổi /n/	38.10%	27.78%	30.00%	40.00%	9.21%	33.33%	15.79%	100.00%

Trong Bảng 6 chúng ta thấy rằng ở bối cảnh có thanh huyền, hỏi, và nặng tắc thì hai tỉ lệ biến đổi /l/, /n/ lệch nhau rất nhiều. Ở bối cảnh có thanh huyền hay nặng tắc thì /l/ biến đổi tận 40% còn /n/ chỉ biến đổi khoảng 20%. Ngược lại, ở bối cảnh có thanh hỏi thì /l/ chỉ biến đổi 16% còn /n/ lại biến đổi tận 40%. Tức là thanh điệu trước /l/, /n/ có thể ảnh hưởng đến cấu âm /l/, /n/.

Trong Bảng 7 cũng có sự lệch nhau của tỉ lệ biến đổi /l/, /n/, nhưng sau khi xem lại dữ liệu thì tôi nhận ra đây là do bối cảnh trước /l/, /n/, không phải là do thanh điệu sau /l/, /n/. Ví dụ, tỉ lệ biến đổi /l/ ở bối cảnh có thanh nặng và sắc tắc thì âm vị ấy hầu hết liền sau âm mũi nên tỉ lệ cao như thế. Tức là thanh điệu sau /l/, /n/ có vẻ không có ảnh hưởng đến cấu âm /l/, /n/.

Tôi đang nghĩ rằng lí do có sự ảnh hưởng như thế là do mối tương quan giữa chất giọng và tính âm mũi. 古郷 (1984) cho biết rằng cơ khép mở dây thanh và cơ nâng lên khẩu mạc có mối tương quan với nhau. Nhưng chỉ dựa vào kết quả của nghiên cứu ấy thì chúng ta chưa thể giải thích hoàn toàn về sự lệch theo thanh điệu nêu trên. Thế nên điều này cần khảo sát thêm nữa.

3.4. Tóm tắt kết quả phân tích và đánh giá giả thuyết

Kết quả phân tích như sau.

(3) Tóm tắt kết quả phân tích

+ Việc có âm mũi ở trước /l/, /n/ hay không ảnh hưởng đến sự biến đổi /l/, /n/: Nếu có âm mũi ở trước thì /l/ dễ bị biến đổi, còn /n/ khó bị biến đổi.

+ Nguyên âm ở trước /l/, /n/ ảnh hưởng đến sự biến đổi /l/, /n/: Nếu có nguyên âm dòng trước ở trước /l/, /n/ thì /l/ dễ bị biến đổi và /n/ khó bị biến đổi, còn nếu có nguyên âm dòng sau ở trước /l/, /n/ thì /l/ khó bị biến đổi và /n/ dễ bị biến đổi.

+ Thanh điệu âm tiết trước /l/, /n/ ảnh hưởng đến sự biến đổi /l/, /n/.

Kết quả trên hầu hết trùng khớp với dự đoán (2). Căn cứ vào điều này, tôi đánh giá giả thuyết (1) thỏa đáng.

4. Kết luận

Trong báo cáo khoa học này, dựa vào kết quả phân tích dữ liệu giọng nói của người miền Bắc, tôi đã trình bày hai điều như sau: một là xác suất biến đổi /l/, /n/ bị lệch theo bối cảnh ngữ âm, hai là nguyên nhân chủ yếu của sự lệch ấy là “sự lan rộng tính âm mũi” và “đồng cấu âm của nguyên âm”. Căn cứ vào hai điều này tôi có

suy luận rằng hạn chế sinh lí của bộ phận cấu âm ngăn cản cấu âm chuẩn của hai âm [l], [n] là một phần nguyên lí gây ra hiện tượng này.

Tuy nhiên lí thuyết nghiên cứu này chưa thể giải thích hoàn toàn về hiện tượng /l/, /n/. Ví dụ, hiện tượng này không xảy ra ở Thanh Hóa trở về. Về lí do của điều này thì chưa thể giải thích được. Để giải quyết vấn đề này một cách toàn diện, tôi cần làm thêm khảo sát từ các góc độ khác nữa.

Nghiên cứu này cũng đem lại một số kết quả đáng kể về mặt khác. Ví dụ, về hướng của sự lan rộng tính âm mũi và đồng cấu âm của nguyên âm thì cả hai đều là hướng từ trước đến sau. Brunelle (2007) cho biết rằng hướng của đồng cấu âm của thanh điệu tiếng Việt cũng có hướng từ trước đến sau. Ba loại tính chất khác nhau này đều có hướng như nhau là điều rất thú vị. Đây có thể là đặc trưng quan trọng về ngữ âm tiếng Việt. Nếu như vậy thì điều này có thể liên quan đến hiện tượng /l/, /n/, hơn nữa cũng có thể liên quan đến những hiện tượng ngữ âm khác.

Tài liệu tham khảo

[1] Brunelle, Marc (2007). Northern and southern Vietnamese tone coarticulation: a comparative case study. *Journal of the Southeast Asian Linguistics Society*: 1, 49-62.

- [2] Honda, Kiyoshi (1996). Organization of tongue articulation for vowels. *Journal of Phonetics*, 24: 39-52.
- [3] Kumada M., Masaki N., Honda K., Shimada Y., Mori K., Niimi S. (2000). Function of Tongue-Related Muscles during Speech: Tagging MRI Movie Study. *Japan Journal of Logopedics and Phoniatrics*, 41: 170-178.
- [4] Leidner, David R. (1973). An electromyographic study of the American English liquids. *Status Report on Speech Research*, SR 33: 195-201. Haskins Laboratories.
- [5] Öhman, Sven Erik Gustaf (1966). Coarticulation in VCV Utterances: Spectrographic Measurements. *The Journal of the Acoustical Society of America*: 39, 151.
- [6] Schourup, Lawrence Clifford (1972). *A cross-language study of vowel nasalization*. The Ohio State University.
- [7] Nguyễn Thị Thanh Bình (2000). [n] hay [l] ở một làng quê Việt Nam: Một quan sát từ góc độ ngôn ngữ xã hội. *Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 212-229.
- [8] Trần Thị Thìn (1979) Bước đầu tìm hiểu về hiện tượng phát âm chệch chuẩn /l/, /n/. *Ngôn ngữ* (2): 62-68.
- [9] 古郷幹彦 (1984) . 「口蓋帆拳筋と内喉頭筋の機能的相関に関する筋電図学的研究」 『阪大歯学誌』 , 29: 158-174.

FACTORS CAUSING THE PHENOMENON /L/, /N/

Abstract: In Northern Vietnamese of the Red River delta, a perturbation phenomenon between /l/ and /n/ is reported, which is mainly researched from the views on education of pronunciation (Trần Thị Thìn: 1979,...) and socio-linguistics (Nguyễn Thị Thanh Bình: 2000,...). But the mechanism causing this phenomenon hasn't been revealed yet. In this paper, I make following two assertions based on speech data of Northern Vietnamese: 1) probability of perturbation between /l/ and /n/ differs depending on adjacent phonetic environment of /l/ and /n/; 2) the main causes of such a gap of probability of perturbation are "spreading nasality and vocalic co-articulation". This results are implicating that physiological constraints on speech organ are one of the factors causing this phenomenon.

Key words: phonetics; articulation; Vietnamese; perturbation of /l/, /n/; Northern dialect.